TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1304/2018/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 21 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 1981/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: 62/3, khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: ông Nguyễn Minh T.

Địa chỉ: 62/3, khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 02 cháu là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 23/3/2007 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/6/2012. Ly hôn hai vợ chồng thống nhất giao hai cháu K và T cho bà H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000đ/tháng, tổng cộng hai con là 2.000.000đ/tháng kể từ

ngày quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Ông T được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông, bà được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà H tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu số 008897 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sư.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND TPBH;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu h/s vụ án.

Dương Văn Đức